



liàn ài
恋爱

Verb · love

Example Sentences

tā men zài liàn ài
他们在恋爱。

They are in love.

tā men liàn ài sān nián hòu jié hūn le
他们恋爱三年后结婚了。

They got married after being in love for three years.

liàn ài ràng rén gǎn dào xìng fú
恋爱让人感到幸福。

Being in love makes people feel happy.

Trace each character, then write the word on your own.

恋	恋	恋	恋	恋	恋	恋	恋	恋	恋	恋
恋	恋									

爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱	爱
爱	爱									